

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **447/2025/HS-PT**

Ngày: **19 – 8 – 2025**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Lan Hương**

Các Thẩm phán: Bà **Lê Thị Ký**

Bà **Võ Thị Thanh Phụng**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hòa** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Quang Minh** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 280/2025/TLPT-HS ngày 25 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2025/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai).

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn Đ, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 09/9/1985 tại tỉnh Sóc Trăng.

Số Căn cước công dân: 094085006501, ngày cấp: 14/7/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi thường trú: Ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, tỉnh Sóc Trăng).

Nơi ở hiện nay: Ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm thuê.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Nguyễn Văn K, sinh năm 1945 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Á, sinh năm 1950.

Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình.

Vợ là Đỗ Thị N, sinh năm 1990; Có 01 con, sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/9/2024 đến ngày 20/9/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện bị cáo đang tại ngoại. *(Có mặt)*

Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu: Luật sư **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1987 – Công ty L thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. *(Có mặt)*

Địa chỉ liên hệ: 7 L, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh).

Ngoài ra, còn có bị hại ông Nguyễn Văn B không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nội dung chính của vụ án:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Văn B có quan hệ quen biết với nhau từ trước. Vào khoảng 14 giờ 15 phút ngày 13/9/2024, Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen, biển số: 83PT-187.11 đến tiệm điện thoại “T” thuộc ấp L, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là phường H, tỉnh Đồng Nai) do ông B làm chủ để mượn tiền. Khi đến tiệm điện thoại “Thái T1” thì Đ phát hiện trong tiệm điện thoại không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đ để xe ở trước cửa tiệm và đi bộ vào trong quầy bán điện thoại, rồi lén lút mở tủ trong quầy bán hàng và lấy số tiền 7.500.000 đồng bỏ vào túi quần của mình và định tẩu thoát thì bị ông B phát hiện, bắt quả tang. Ông B trình báo Công an xã H 3 để xử lý theo quy định. Công an xã đã lập biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp quả tang, lập hồ sơ ban đầu, tạm giữ số tiền 7.500.000 đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen, biển số: 83PT-187.11 rồi chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 19/9/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” để điều tra, xử lý theo quy định pháp luật.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

2. Quyết định của Cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2025/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai) đã áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 13/9/2024 đến ngày 20/9/2024.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

3. Về nội dung kháng cáo của bị cáo:

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, bị cáo Nguyễn Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo với nội dung: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt có giá trị nhỏ, đã khắc phục hậu quả và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo cho bị cáo.

4. Quan điểm bào chữa cho bị cáo của Luật sư:

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới là Đơn xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo của bị hại Nguyễn Văn B. Đồng thời, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con nhỏ đang đi học. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, xử bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

5. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 (sáu) tháng tù là phù hợp, có cơ sở.

Tại cấp phúc thẩm, tuy bị cáo cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới là Đơn xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo của bị hại Nguyễn Văn B nhưng xét thấy mức án 06 tháng tù cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp và là mức án thấp nhất của khung hình phạt nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã khai nhận vào khoảng 14 giờ 15 phút ngày 13/9/2024, bị cáo đi đến tiệm điện thoại “Thái Tuấn” của ông Nguyễn Văn B thuộc ấp L, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là phường H, tỉnh Đồng Nai) để mượn tiền nhưng phát hiện trong tiệm không có người trông coi nên đã lén lút mở tủ trong quầy bán hàng và lấy số tiền 7.500.000 đồng bỏ vào túi quần của mình định tẩu thoát thì bị ông B phát hiện, bắt quả tang.

Với hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, xã hội tại địa phương.

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới là Đơn xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo của bị hại Nguyễn Văn B.

Xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có con nhỏ đang đi học; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là đủ nghiêm.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

[4] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo phù hợp một phần các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và quy định pháp luật nên được chấp nhận một phần.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp một phần với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và quy định pháp luật nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2025/HS-ST ngày 23/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai) do có tình tiết mới.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Đ 06 (sáu) tháng tù** về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là **01 (một) năm**, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Nai phối hợp với gia đình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

[3] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND khu vực 3 – Đồng Nai (2);
- VKSND khu vực 3 – Đồng Nai;
- Cơ quan THAHS – CA tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT – CA tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 3 – Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai (PV06);
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Công an/UBND phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai;
- Cơ sở giam giữ - Bị cáo;
- Lưu: HSVA, THS và VP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Bùi Lan Hương